

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

№: KD 6323409

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 82K-2891

(Registration Number)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) YAZ

Số loại: (Model code) 315123

Số máy: (Engine Number) 116937/05

Số khung: (Chassis Number) RMA31512362000002

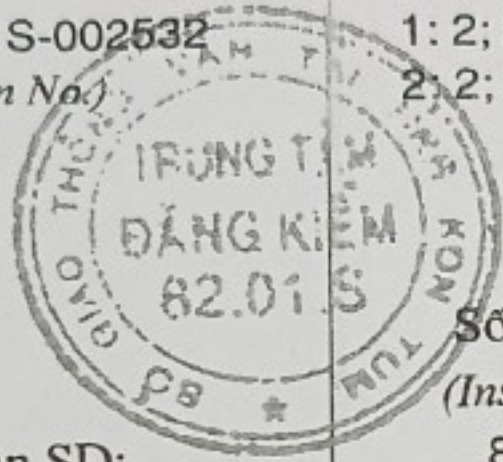
Năm, Nước sản xuất: 2006, Việt Nam

(Manufactured Year and Country)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

Số quản lý: 8201S-002532

(Vehicle Inspection No)



Niên hạn SD:

(Lifetime limit to)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1453/1453 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4025 x 1785 x 2050 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2380 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1665 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 2400/2400 (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 7 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2380 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 63(kW)/4000vph

Số sê-ri: (No.) KD-6323409 792494311113

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 215/90R15

2: 2; 215/90R15

Kon Tum, ngày 9 tháng 4 năm 2021

(Issued on: Day/Month/Year)

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

8201S-03831/21

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 08/10/2021



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DA 2671797

Biển đăng ký: 51LD-6758
(Registration Number)

Số quản lý: 5004V-014307
(Vehicle Inspection No.)

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 235/70R16
2: 2; 235/70R16

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) FORD

Số loại: (Model code) ESCAPE-XLT

Số máy: (Engine Number) AJ-249069

Số khung: (Chassis Number) FVLFHBMERP2T-00479

Năm, Nước sản xuất: 2002, Việt Nam

Niên hạn SD:
(Lifetime limit to)

(Manufactured Year and Country)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

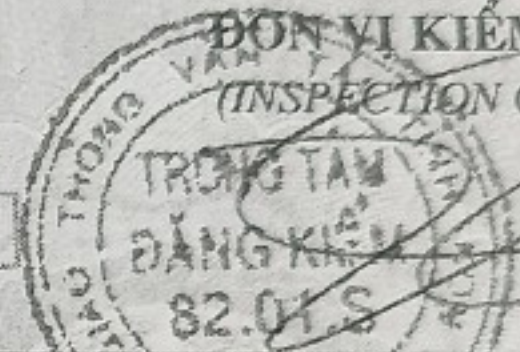
Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)

8201S-13489/22

Cơ hiệu lực đến hết ngày
(Valid until) 02/05/2023

Kon Tum, ngày 3 tháng 11 năm 2022
(Issued on: Day/Month/Year)

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)



2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1550/1530 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4415 x 1825 x 1770 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension)
(mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2620 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1545 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2045/2045 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2967 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 149(kW)/6000vph

Số sê-ri: (No.) DA-2671797 877832411644



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DA 2671797

Biển đăng ký: 51LD-6758
(Registration Number)

Số quản lý: 5004V-014307
(Vehicle Inspection No.)

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 235/70R16
2: 2; 235/70R16

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) FORD

Số loại: (Model code) ESCAPE-XLT

Số máy: (Engine Number) AJ-249069

Số khung: (Chassis Number) FVLFHBMERP2T-00479

Năm, Nước sản xuất: 2002, Việt Nam

Niên hạn SD:
(Lifetime limit to)

(Manufactured Year and Country)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

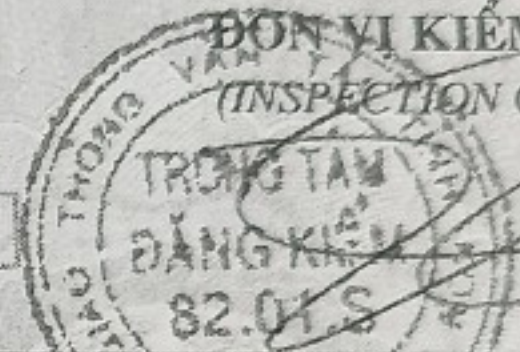
Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)

8201S-13489/22

Có hiệu lực đến hết ngày
(Valid until) 02/05/2023

Kon Tum, ngày 3 tháng 11 năm 2022
(Issued on: Day/Month/Year)

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)



2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1550/1530 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4415 x 1825 x 1770 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension)
(mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2620 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1545 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2045/2045 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2967 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 149(kW)/6000vph

Số sê-ri: (No.) DA-2671797 877832411644



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:

I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Liên đăng ký: **60L-1637**
(Registration Number)

Số quản lý: **6001S-009365**
(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: *(Type)* ô tô con

Nhãn hiệu: *(Mark)* TOYOTA

Số loại: *(Model code)* CAMRY

Số máy: *(Engine Number)* 5S-4197126

Số khung: *(Chassis Number)* 53SK200X778047

Năm, Nước sản xuất: 1997, Việt Nam
(Manufactured Year and Country)

Niên hạn SD:
(Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* Cải tạo *(Modification)*

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1541/1511 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 4760 x 1787 x 1432 (mm)

Kích thước lồng thùng xe *(Inside cargo container dimension)* (mm)

Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 2670 (mm)

Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 1530 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT:
(Design/Authorized pay load) (kg)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT:
(Design/Authorized total mass) (kg)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT:
(Design/Authorized towed mass) (kg)

Số người cho phép chở: 4 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 2164 (cm³)

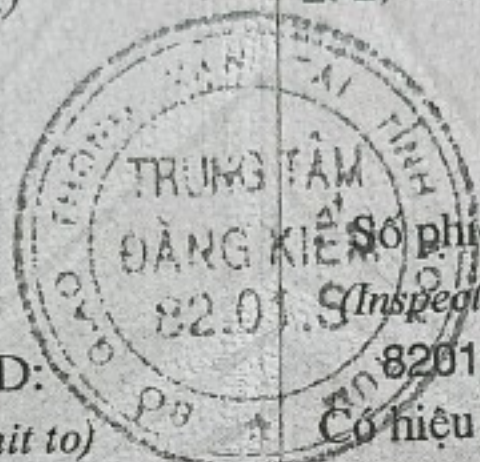
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 100(kW)/5400vph

Số sê-ri: *(No.)* DA-3982571 783462411671

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*

1: 2; 195R14

2: 2; 195R14



Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)

8201S-13994/22

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 14/05/2023

Kon Tum, ngày 15 tháng 11 năm 2022

(Issued on; Day/Month/Year)



KÊ GIAM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS. Nguyễn Ngọc Hiệp



Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)*

Có lắp camera *(Equipped with camera)*

Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued)*

Ghi chú:

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT - Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DA 3982571

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **82K-3620**

(Registration Number)

Số quản lý: **8201S-003346**

(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (có mui)

Nhãn hiệu: (Mark) IFA

Số loại: (Model code) W50

Số máy: (Engine Number) 2799287-90-18337

Số khung: (Chassis Number) L5-09370

Năm, Nước sản xuất: 1990, Đức

(Manufactured Year and Country)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use)

Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x4

(Wheel Formula)

Vết bánh xe: 1780/1780

(Wheel Tread)

(mm)

Kích thước bao: (Overall Dimension)

6350 x 2500 x 3570 (mm)

Kích thước lòng thùng xe

(Inside cargo container dimension)

4550x2400x2240

(mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 3200

(mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass)

5500 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT:

4550/4550 (kg)

(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT:

10200/10200 (kg)

(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT:

(kg)

(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 6560 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 92(kW)/2300vph

Số sê-ri: (No.) **DA-0661054**

196681411192

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 8.25-20

2: 4; 8.25-20

Kon Tum, ngày 26 tháng 1 năm 2022

(Issued on: Day/Month/Year)

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

(INSPECTION CENTER)

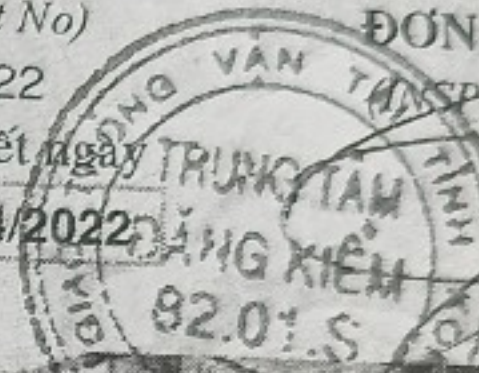
Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

8201S-01533/22

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) **25/04/2022**



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:

IFA: Phương tiện KD theo văn bản 799/ĐKVN-VAR ngày 17/9/2007 (cho phép kiểm định 18 năm từ ngày đăng ký)

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No. ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

Motor vehicle which is damaged by accident and the requirements of technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

Certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DA 0661054